TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2018
V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoa;

2. Ông Đỗ Trí Thuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên toà:* Bà Đậu Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Văn Thị Thu H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Chị H có mặt; anh Q vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 6 năm 2018, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn là chị Văn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q sau khi tìm hiểu thì tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2010 tại Uỷ ban nhân dân

xã E, huyện C, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn chị và anh Q chung sống hạnh phúc nhưng thời gian từ đầu năm 2018 cho đến nay giữa chị và anh Q thường xuyên cãi vả dẫn đến xô xát, do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, không khí gia đình căng thẳng, anh Q sống cùng vợ con nhưng tỏ thái độ gay gắt, gia trưởng muốn mọi vấn đề trong gia đình phải theo ý của anh, anh không chăm lo cho vợ con, chỉ lo cho bản thân mình, ham vui cùng bạn bè không có điểm dừng. Ngoài ra anh còn hay chơi cờ bạc, nợ nhiều người, chị phải trả nợ thay cho anh. Mặc dù chị đã khuyên can và cho anh nhiều cơ hội mong anh thay đổi để vợ chồng chung sống cùng nhau nuôi dạy con, nhưng anh Q không thay đổi mà ngày càng quá đáng hơn, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, không khí gia đình ngày càng nặng nề. Chị và anh Q đã không sống chung với nhau từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Q có với nhau 02 con chung là: cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 01/01/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Gia B, sinh ngày 15/02/2014. Hiện cháu H đang ở cùng chị và cháu B ở cùng anh do đó chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, còn anh Q nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Gia B, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Văn Thị Thu H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn với nhau ngày 07/10/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đ. Trong thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, có đôi khi cãi nhau nhưng mâu thuẫn không lớn nguyên nhân do anh nóng tính nói vợ không nghe nên vợ chồng mâu thuẫn. Hiện tại chị H làm đơn khởi kiện anh về việc ly hôn, anh không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H. Anh mong muốn chị H thay đổi suy nghĩ về đoàn tụ nuôi dạy con chung vì anh không muốn các con anh thiếu tình thương của cha hoặc mẹ.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 01/01/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Gia B, sinh ngày 15/02/2014. Anh không đồng ý ly hôn nên không anh không có ý kiến. Tuy nhiên chị H nhất quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Gia B, còn cháu H giao cho chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương

sự của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Văn Thị Thu H, cho chị Văn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q; Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 01/01/2012 cho chị H và giao cháu Nguyễn Ngọc Gia B, sinh ngày 15/02/2014 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Q và chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này; Về phần tài sản chung và nợ chung: Miễn xét; Về án phí: Buộc chị Văn Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 22 tháng 6 năm 2018, chị Văn Thị Thu H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Cùng với đơn khởi kiện chị H đã nộp kèm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị H đúng quy định; Anh Q cư trú tại Thôn 1, xã Ia Hlốp, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Q vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Q có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã EaNing, huyện Cư Kuin, tỉnh Đăk Lăk trên cơ sở tự nguyện không ai bị cưỡng ép hay ép buộc, cho nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H anh Q là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Chị H cho rằng từ năm 2018 cho đến nay chị và anh Q thường xuyên cãi vả dẫn đến xô xát, anh Q sống cùng vợ con nhưng tỏ thái độ gay gắt, gia trưởng muốn mọi vấn đề trong gia đình phải theo ý của anh, anh không chăm lo cho vợ

con, chỉ lo cho bản thân mình, ham vui cùng bạn bè không có điểm dừng. Ngoài ra anh còn hay chơi cờ bạc, nợ nhiều người, chị phải trả nợ thay cho anh. Mặc dù chị đã khuyên can và cho anh nhiều cơ hội mong anh thay đổi để vợ chồng chung sống cùng nhau nuôi dạy con, nhưng anh Q không thay đổi mà ngày càng quá đáng hơn, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, không khí gia đình ngày càng nặng nề và hiện nay chị H không còn tình cảm với anh Q nữa. Vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Anh Nguyễn Văn Q cũng thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có đôi khi cãi nhau nhưng anh cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị không lớn có thể hòa giải quay về đoàn tụ nguyên nhân do anh nóng tính nói vợ không nghe nên dẫn đến mâu thuẫn. Nhưng anh Q không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H. Anh mong muốn chị H thay đổi suy nghĩ về đoàn tụ nuôi dạy con chung vì anh không muốn các con anh thiếu tình thương của cha hoặc mẹ. Mặc dù anh Q không đồng ý ly hôn và đã thuyết phục chị H nhiều nhưng lần chị H vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng, giữa chị H và anh Q là có thật, tình cảm của chị H đối với anh Q đã không còn, anh Q và chị H đã không sống chung với nhau từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay, hôn nhân của anh Q và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Q vắng mặt tại phiên tòa, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có ý thức hàn gắn những mâu thuẫn hôn nhân giữa anh và chị H. Do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Văn Thị Thu H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Nguyễn Văn Q và chị Văn Thị Thu H có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 01/01/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Gia B, sinh ngày 15/02/2014. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu H, giao cháu B cho anh Q nuôi dưỡng. Anh Q không đồng ý ly hôn nên không anh Q không có ý kiến việc giải quyết nuôi con chung. Tuy nhiên, nếu chị H nhất quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Gia B, còn cháu H giao cho chị H nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị H còn cháu B đang sinh sống cùng anh Q; do đó để đảm bảo cho việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên tạo môi trường sống ổn định, đảm về cuộc sống vật chất cho cháu H và cháu B. Cần giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 01/01/2012 cho chị H và giao cháu Nguyễn Ngọc Gia B, sinh ngày 15/02/2014 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Văn Q và chị Văn Thị Thu H đều không có yêu cầu tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về phần tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Văn Thị Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên miễn xét;

[6] Về án phí: Buộc nguyên đơn là chị Văn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Văn Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 01/01/2012 cho chị H và giao cháu Nguyễn Ngọc Gia B, sinh ngày 15/02/2014 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Văn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007513 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/11/2018), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được bản án, hoặc bản án

được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Uỷ ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tiến Sỹ